

BẢN LUẬN QUYỂN 68

Kế là, giải thích diệt đế. Diệt đế có ba thứ: Trạch diệt; phi trạch diệt và vô thường diệt. Diệt đế chỉ thuộc về Trạch diệt.

Trong văn trước là lập hỏi, đáp; sau nói về Diệt đế xa lìa bốn lỗi.

Trong phần trước, nói “Vì phiền não diệt, nên được diệt đề hữu dư y; vì y diệt, nên được diệt đế của vô dư y; nếu theo nghĩa của Tát-bà-đa, thì chỉ lấy phiền não làm diệt đế, vì hai thứ hữu dư, vô dư là thể của Niết-bàn.

Chánh Lượng Bộ, Ma-ha Tăng-ký Bộ, cũng đồng chủ trương với Tát-bà-đa. Hai bộ ấy nói: “Trí vô lậu dứt trừ phiền não, không dứt trừ quả báo diệt của quả báo là phi Trạch diệt”

Nếu theo sư kinh bộ rằng: “Do sức đạo vô lậu, nên “hoặc” “khổ” bất sinh, đều là Trạch diệt. Vì thế, nên phiền não diệt là Niết-bàn hữu dư, quả báo của thân diệt là Niết-bàn vô dư.”

Nay, trong Đại thừa dù về sau nói “hoặc” “khổ” diệt, gọi là Trạch diệt, nhưng dứt trừ phiền não là được Niết-bàn; vì lấy chân Như làm thể, nên hơi khác với thuyết do sư kinh bộ nói.

Dưới đây là nói về diệt đế xa lìa bốn lỗi. Diệt tận với hành không nhất định có khác, thêm khác với định kia, gọi là lỗi tăng ích, tức chấp “khác” tán động trái với chấp này là “một” nên gọi là tổn giảm, bởi vì chấp diệt kia đồng tự tướng với hành, nên gọi là lỗi của tà phân biệt tự tướng, tức một chấp động.

“Cũng có khác, cũng không có khác”, là lỗi lẫn lộn nhau, vừa là lỗi trái nhau.

“Câu phi” là lỗi tổn giảm: Xưa, gọi là hý luận chê bai. Nay, nói là lỗi tổn giảm.

Dưới đây, giải thích đạo đế, có ba đoạn:

Đầu tiên là nói về Kiến đạo; kế là Tu đạo; sau, là Vô học đạo.

Trong phần đầu có ba:

1. Nói phế lập uẩn, vì học, ba học, nghĩa là chỉ nói tám chi.
2. Giải thích trong kinh, tóm thâu tám chánh kia làm lý do của ba uẩn.

Nói “Chánh ngữ, chánh nghiệp, giới làm giới căn bản. Làm đối tượng nương tựa mới có thể thọ dụng tất cả chánh pháp, nghĩa là dựa vào chánh ngữ, chánh nghiệp và giới để làm căn bản, mới có thể phát định. Nhờ định được tuệ và tất cả công đức khác.

Nói “Lại ở chỗ nấy, đức Thế tôn nói là tánh hiện hành của ý thanh

tịnh tăng thượng”, nghĩa là dẫn thuyết chứng thành chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, không đồng với luận Tiểu thừa nói có tự thể riêng của nghiệp thân, ngữ, vô lậu, chỉ ở ý tứ hiện khởi lia tà ngữ v.v..., nên nói hiện hành của ý thanh tịnh.”

Nói “Y chỉ tham đẳng khởi, phạm giới Tư ”: nếu theo luận Tiểu thừa, thì dựa vào sân, si mà khởi thân, ngữ, gọi là nghiệp tà ngữ. Nếu dựa vào tham khởi thân, ngữ, gọi là nghiệp là tà mạng. Nếu dựa vào sự giả dối khởi ý tứ theo đuổi, mong cầu bất chính áo, cơm v.v..., gọi là nghiệp tà mạng. Nếu lia ba thứ tà trước, phải biết rằng, tức là tánh hiện hành ý của chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng.”

Nói “Thông suốt nghĩa chân thật của các pháp là nghiệp ban đầu”, đây là nghiệp chánh kiến.”

“Vì người khác nói là nghiệp thứ hai:” Là nghiệp chánh tư duy. Đây là y cứ ở tâm tán tìm kiếm nói ngôn giáo. Nếu ở định hữu lậu, vô lậu thì sẽ không có nghiệp này.

“Vì dứt trừ kiết khác, pháp tùy, pháp hành, là nghiệp thứ ba”, nghĩa là vì đoạn tu dứt trừ khác, phát siêng năng tinh tấn, là nghiệp tinh tấn.”

Hỏi: “Chánh tư duy là Tâm, là pháp giả, dùng Tuệ và ý tứ làm thể, so với chánh kiến đâu có khác?”

Giải thích: “Chánh tư duy, chánh kiến chỉ y cứ vào số cảnh riêng để kiến lập, tức y cứ ở một tuệ đối trị với tà kiến và tà tư duy. Về nghĩa được lập thành hai; cũng có thể y cứ ở Tuệ để lập Chánh kiến; y cứ vào Tư, lập Chánh tư duy. “Sở y” (đối tượng nương tựa) có khác; “năng y” (chủ thể nương tựa) cũng khác.”

Hỏi: “Nếu y cứ vào số tư để lập chánh tư duy, thì chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng cũng y cứ Tư để lập, thế sao một Tư trong một Niệm lại lập những bốn đạo?”

Giải thích Ý tứ hiện hành lia bốn chi tà đạo, nhằm thành lập bốn chi chánh đạo, cũng đâu có lỗi.”

Nói “Đối với bốn niệm trụ, trói buộc, nhiếp tâm mình” Xưa, thực hành bốn niệm trụ của kinh, luận, chỉ tuệ làm tánh. Thời nay, lấy chung niệm, tuệ làm tánh. Trong văn, nói riêng thể của niệm là đối tượng nương tựa (sở y) của định.”

Nói “Rằng, đều riêng lẽ cho đến “hay dứt trừ các “cái”, nghĩa là “cái” tham lấy tịnh, tức dùng quán bất tịnh để trị. “Cái” sân lấy sai trái, tổn hại làm tánh chất, dùng quán Từ Bi để đối trị v.v.... Sau nói về sự khác nhau của chánh kiến, gồm có mười một thứ, trong đó, đầu tiên, là

nói về mười một chánh kiến phối hợp bốn đế. Kế là, nêu thứ lớp trong kinh để hỏi, đáp. Thứ ba, nêu mười một chánh kiến bao gồm ba môn giải thoát.

Trong phần đầu tám kiến trước là “duyên” Chánh kiến của khổ đế. Ba kiến sau, như thứ lớp, “duyên” Tập, Diệt, Đạo.

Nói “”không kiến” vô ngã kiến”, nghĩa là quán uẩn lia “ngã” và “ngã sở”, kia nói là “không kiến”. Quán thể tánh của các hành kia chẳng phải tướng của ngã và “ngã sở”, gọi là “vô ngã kiến”, không đồng với thuyết của Tát-Bà-Đa nói: “Quán ngã sở là không, gọi là “không hạnh”; quán “ngã không” gọi là “vô ngã hạnh”.

Kế là, nêu trong kinh làm hỏi, đáp:

Hỏi: “Ý kinh nói theo thứ lớp, trước nói bốn kiến như vô thường v.v... ; sau nói các kiến như bệnh v.v..., vì lẽ vì luận trước lại nói như bệnh v.v... ư?”

Đáp: “Đại ý có hai thứ lớp:

1. Kiến đạo trở xuống, theo thứ lớp nhập Thánh, tức trước quán hành vô thường kia v.v..., sau quán hữu lậu v.v..., như bệnh, như ung thư.

2. Về sau xuất kiến đạo ở trong tu đạo, tức trước, quán các hành như bệnh v.v... lúc sau là diệt tu “hoặc”, mới khởi các hạnh như vô thường v.v....

Dưới đây tịnh lại nghĩa trước, rằng, lược có hai thứ:

1. Sở y của kiến như bệnh v.v..., là kiến không thanh tịnh: Tức kiến đạo trở xuống này, đã thực hiện các hành như vô thường v.v... này, có thể dẫn dắt gọi là kiến không thanh tịnh của đối tượng nương tựa.

2. Các kiến như bệnh v.v..., chủ thể nương tựa của kiến thanh tịnh v.v..., nghĩa là đã xuất kiến đạo. Trong địa vị tu, khởi lại các kiến như bệnh v.v... Vì ở thân bậc Thánh khởi, cho nên là thanh tịnh. Kiến như thế, do kiến đạo kia trở xuống, sức nhân của kiến như bệnh v.v... mà khởi, tức là vì chủ thể nương tựa, nên đạo, chủ thể nương tựa thanh tịnh. Cũng có thể nói các hành như vô thường v.v...trong địc vị tu là chủ thể nương tựa, các hành như bệnh v.v... là đối tượng nương tựa.

Dưới đây, là nêu mười một Chánh kiến gồm thâu ba môn giải thoát:

Nói “Kiến của “không vô ngã hạnh”, gọi là “không hạnh” nghĩa là vì đồng “duyên” không có ngã, ngã sở. Kiến của hạnh khác, gọi là hạnh vô nguyện, nghĩa là tám kiến gọi là còn lại. Kiến của một hạnh, gọi là hạnh vô tướng, nghĩa là kiến thứ mười một “duyên” Diệt đế.

Trường hợp này đồng với luận Tiểu thừa; hai hạnh là “không”; mười hạnh vô nguyện và bốn hạnh vô tướng. Tuy nhiên, ba môn này với hành tướng gồm sáu tám văn không đồng, như Luận Ký quyển mười hai Bản Địa trước đã nói.

Thứ hai, trong phần nói về Tu đạo có hai lần “Lại nữa”.

Trong phần trước, Luận sư Cảnh nói: “Trong địa vị tu, “duyên” cảnh bốn để làm phương tiện nhập quán chân như, dứt trừ “tu hoặc”. Nói “người đã kiến tích”, đến hiện quán xong, là nhắc lại tướng kiến đạo. “Pháp trí phẩm hạ, “duyên” danh hiện; Loại trí phẩm thượng “duyên” danh không hiện.”

Tam Tạng Pháp sư y cứ Đối Pháp giải thích văn này rằng: “Phẩm Pháp trí chứng Như, gọi là “hiện”. Phẩm loại trí chứng phẩm Pháp Trí, gọi là “không hiện”.

Được sơ quả xong, quán chung khổ của ba cõi; Tập của ba cõi, cho đến đạo của ba cõi là gia hạnh xa. Kế lại quán chung bốn đế của ba cõi là “không vô ngã”. Từ đây tức chứng Nhân không mà hiện Chân như. Đoạn chung tu dứt trừ phiền não của chín địa, siêu việt chứng La-hán, không đồng với Đối Pháp nói: “Pháp trí “duyên” như, loại trí “duyên” pháp trí ở trước.

Nói “Về sau, đối với tu đạo v.v... cho đến “Có thể đối trị chung tất cả phiền não của Địa dưới, Địa trên”. Đoạn văn này tức nói là từ sơ quả dứt chung trừ tu hoặc, chứng siêu việt La-hán.”

Pháp sư Thái nói: “Đây là y cứ chung lấy “tu hoặc” của chín địa, ba cõi làm chín phẩm. Cũng lấy chung pháp có nhiệm của ba cõi làm khổ, tập; lấy chung pháp không có nhiệm của phần pháp loại của ba cõi làm Diệt, Đạo. Quán chung bốn đế của ba cõi, là phương tiện nhập quán vô tướng, nên “hoặc” của chín địa chung làm chín phẩm, chín Vô gián, chín giải thoát dứt trừ. Tự có Bạc Thánh, người dứt trừ “hoặc” của chín địa ba cõi, phân biệt thành pháp loại.”

Pháp sư Tăng Huyền nói hai giải thích:

1/ “Văn này y cứ vào một đạo vô ngại của Bồ-tát Kim Cương, dứt trừ ngay tu đạo của ba cõi, đã dứt chín phẩm phiền não để luận.”

2/ “Văn này y cứ siêu việt A-la-hán để luận.”

Kế là, rằng: “Lại nữa, các Bạc Thánh kia v.v... cho đến “Vì dứt trừ phiền não” nghĩa là tác ý vô tướng, tức trí vô phân biệt tương ứng với tác ý, phần nhiều nhập quán này.

Thứ ba nói năm thân thông trong nói về đạo vô học, nghĩa là ý lấy bậc Bạc Thánh. Năm thân thông dù là hữu lậu, nhưng vì đã được từ sau

vô lậu, tánh ấy thanh tịnh, thuộc về nhập đạo đế, tức đồng với loại đạo phương tiện, đạo tư lương nói trên, đều thuộc đạo đế. Năm thông của ngoại đạo không thuộc loại này, nên chẳng thuộc về đạo đế.”

Dưới đây, các môn phân biệt thứ ba, trong đó có sáu môn:

1) Nói về Biến tri (biết khắp) dứt hẳn đế, gọi là phế lập. Khổ đế được gọi riêng là biết khắp, do hai thứ tương ứng với biến tri: khổ hạnh, biết khổ là biết khắp tự tướng, dùng hành vô thường để quán khổ, là biết khắp công tướng của ba đế. Dùng hạnh “không vô ngã” để biết khổ, tức dùng tất cả pháp hạnh để biết khắp về khổ, nên gọi là cộng tướng. Đế khác chỉ biết hành của tự tướng. Cho nên, không được biết khắp Danh.

2) Nói khi kiến bốn đế có hai hiện quán. Đối với tướng kiến đạo, trí của tướng sinh riêng, gọi là hiện quán trí, tức trí của tướng riêng này làm y chỉ. Chứng các đế, vô vi diệt “hoặc” phẩm hạ, gọi là hiện quán dứt trừ. Nhân hiện quán chẳng phải nhân dứt trừ. Chứng hiện quán đoạn, gọi là hiện quán dứt trừ, cũng có thể mượn tướng kiến đạo để nói vô tướng kiến đạo. Nói về hai hiện quán, vì tướng kiến đạo không thể dứt trừ “hoặc”, chứng phiền não Diệt. Nếu y cứ ở chứng sau, gọi là được dứt trừ, về nghĩa cũng không ảnh hưởng.

3) Nói về năm duyên tinh tấn:

1. Nghe người khác giảng nói chánh pháp.
2. Ở chung với người tu hành.
3. Xét công đức, lỗi lầm của siêng năng, lười biếng.
4. Do tư duy lựa chọn, nên phát sanh chánh cần.
5. Biết lý sở chứng trước tối tăm, trí “năng chứng” kém, biết lý sở chứng sau, Trí năng chứng có thể sáng suốt vượt hơn. Do biết sở chứng trước, sau khác nhau, nên tinh tấn hừng cháy.

4) Nói về hai thứ chứng, đoạn:

a. Đối với hạt giống hàng phục, dứt trừ, tác chứng. Văn này là nói hàng phục hạt giống, để cho không sinh “hoặc”, gọi là hàng phục phiền não, không hàng phục hiện hành, đây là chung cho Phàm, Thánh.

b. Đối với hạt giống, dứt trừ hẳn, tác chứng, đây chỉ có bậc Thánh.

Lìa trói buộc cũng có hai:

a. Đối với phẩm phiền não, lìa trói buộc riêng, nghĩa là dứt trừ thể phiền não, mỗi phẩm đều dứt trừ riêng.

b. Đối với sự phiền não, lìa trói buộc hệ thuộc nhau, nghĩa là do dứt trừ sự sở duyên của phiền não, phát nghiệp phiền não, quả báo

phiền não, pháp hệ thuộc nhau và được lia trói buộc. Do đây, sẽ chứng minh cho nghĩa của Đại thừa là dứt trừ chín phẩm “hoặc”, được vô vi riêng.

5/ Nói về Kiến đế, nghĩa là lỗi lầm của sự dua nịnh, lừa dối.

Đầu tiên, nói về lỗi lầm của sự dua nịnh, lừa dối. Trước hết nói về sự dua nịnh, tà vạy có mười hai tai họa lỗi lầm. Kế là, nói về bảy sự của tám hạnh. Bảy sự là sự của đối tượng nương tựa của tám hạnh, nghĩa là sự ngôn thuyết, tức là mê hoặc, đối tượng nương tựa của hành động dua nịnh.

Sự gạn hỏi, tức là che giấu hành động dua nịnh, chỉ bày rõ đối tượng nương tựa của hành vi dua nịnh. Ngoài ra năm sự, tức đối với năm hành sau, như thứ lớp của chúng, là đối tượng nương tựa.

6/ Nói về người chưa Kiến đế, có chín thứ thô ngữ, gọi là thô ngữ Thanh văn. Dạy dỗ, răn bảo là phương tiện quán thức.

Hiện quán của Chân đế, nghĩa là Kiến đạo, hoặc lại thanh tịnh, nghĩa là tu đạo.

Nói “Dùng lời nói không đẹp giả hợp để đáp, nghĩa là dùng sự giả hợp của lời nói thô ác mà đáp. Hoặc không tương ứng: nghĩa là việc mà người kia đáp không tương ứng với câu hỏi.

Hoặc không viên mãn, nghĩa là việc đáp không tương tận. Nói “Người được tôn trọng chung”, là người đức hạnh đầy đủ, chẳng phải người được tôn trọng chung là các vị tăng khác.

Trên đây, đều là Tạp Quyết trích thứ nhất đã nói xong.

Dưới đây thứ hai, dùng bài tụng để nêu mười ba môn, lại quyết định lựa chọn riêng. Trong đó, trước nêu tụng, trình bày mười ba môn. Sau, dùng văn xuôi để giải thích, tức là mười ba đoạn:

1. Trong giải thích gồm thâu, trước là chia ra bảy trường hợp:

Nói “Tỳ-nại-da và Biệt Giải thoát” nghĩa là nói rộng về hạnh điều phục thân, tâm, diệt ác, sinh thiện, gọi là Tỳ-nại-da.

Chính là nói về giới bản, gọi là Biệt giải thoát. Dưới đây sẽ giải thích theo thứ lớp:

8. Phép tắc hư hoại: Phán quyết rộng năm thiên: Hai thiên đầu gọi là giới; ba thiên sau, gọi là phép tắc. Phép tắc, nghĩa là oai nghi. Nói chung, giới và phép tắc có ở cả năm thiên.

10. Tùy hộ tâm người khác, nghĩa là thuận theo ý người kia mà phạm giới cấm.

11. Giữ gìn không tổn não người khác, nghĩa là vì gìn giữ người kia, tự tổn não, nên làm việc trái phạm.

Tánh tội, giá tội: Phán quyết rộng năm thiên: Thiên đầu là tánh tội; bốn thiên sau là giá tội. Trong đó phân biệt chín chắn. Ở thiên đầu cũng có nghĩa “Giá” (ngăn cấm). Trong bốn thiên còn lại cũng có nghĩa “tánh”, nghĩa Đại thừa. Năm thiên của Thanh văn khởi ở thân, miệng, không ơ ý nghiệp. Tìm kiếm bản, mặt của giáo, vì hàng phục chung ba nghiệp, nên nói rằng “tùy thích ứng”.

Nói “Chỗ trái phạm khác, đối với năm nhóm phạm “Như biết tướng nên”, nghĩa là ba nghiệp và giới hoại, kiến hoại v.v... phối hợp với năm thiên, tùy thích ứng nên biết phân biệt tử tử, y theo số luật. Vì hai phát khởi trong giải thích có phạm, hai là phát khởi thân, ngữ.

Không có người vô học trái phạm, vì đối với tội nhiễm ô đều không phạm. Nếu đối với tội không nhiễm ô, dù không cố ý trái phạm, cũng có lầm phạm. Luận Minh liễu chép: “người Vô học phạm tội do lầm phạm, không phạm tội nhiễm ô. Nay, luận này y cứ vào cố ý phạm, nên nói người Vô học không phạm tội. Lại, Cự Nhiếp Luận bản cựu dịch cho rằng: “người kiến bốn đế, không còn cố ý phạm tiểu tùy, tiểu tội”. Nghĩa là y cứ vào tội nhiễm ô, nên nói không phạm. Trong tội không nhiễm ô, cố ý hay lầm đều cùng phạm.

Nói tiểu và tùy tiểu, nghĩa là theo luận Minh Liễu, giới có ba thứ:

- 1) Tiểu giới, là Tăng-già-Chi v.v...
- 2) Tùy tiểu giới, là tội không đầy đủ.
- 3) Chẳng phải tiểu giới, là bốn Ba-La-Di. Ngài Chân đế giải thích: “Vì có tội chẳng phải rất nặng, nên gọi là tiểu”.

Ngũ Bộ Tông nói: “Phương tiện đối với căn bản đều là phần không đủ và tùy một mà chuyển, nên gọi là tùy tiểu. Vì tội ba-la-di rất nặng, nên gọi là chẳng phải Tiểu”. Lại, Luận cho rằng: “Lại nữa, tiểu giới. Nghĩa là tự tánh giới trong các giới. Tùy tiểu giới, nghĩa là tất cả chế giới trong các giới. Chẳng phải tiểu giới, nghĩa là bốn giới trọng”.

Ngài Chân Đế lại giải thích: “Bất luận phương tiện và tội căn bản có dư thừa. Nếu là tánh tội, thì đều gọi là Tiểu. Nếu là tội chế, đều gọi là tùy Tiểu. Tánh tội có tàn dư thường nhẹ, là tội không gọi là tùy tiểu. Mà chẳng phải rất nặng cho nên gọi là Tiểu. Thể tánh của chế tội, chẳng phải do chế trước, mà là tùy chế sau thành tự, nên gọi là tùy, cũng vì chẳng phải rất nặng, nên gọi là tiểu. Trọng như trước đã giải thích”.

Hỏi: “Đã có tùy Tiểu, sao không lập có tùy phi tiểu?”

Đáp: “Nếu dựa theo giải thích trước, thì vì phương tiện tùy căn

giới, cho nên gọi là “tùy” chỉ là tùy theo căn, giới kia, tất nhiên tiểu. Tự có tiểu mà vì chẳng phải tùy, nên lập tùy Tiểu”.

Chẳng phải tiểu, tất nhiên tội trọng căn bản. Nếu là tùy, tất nhiên là vì tiểu, nên không có “Tùy phi tiểu”.

Nếu theo giải thích sau, thì tội chế tùy giáo, nên gọi là tùy, vì chẳng phải Tiểu, nên gọi là tiểu. Trong tội lớn không có chế giới, nên không có tùy phi tiểu.

Không có phạm bốn, nghĩa là như giới bản nói.

Không phạm, là lúc đầu chưa chế giới. Ngu si, điên cuồng, tâm rối loạn, bị đau khổ ràng buộc.

Do trong năm tướng “xuất tội”. Vì mình nghĩa là nên tự lạng dứt, nghĩa là Đột-cát-la trách tâm, thì dứt. Vì người khác, nghĩa là người thấy đẽ. Có đối tượng phạm tội không nhiễm ô, nghĩa là như người với tâm thiện, nhỏ cỏ trước đức Phật, phải đối trước một người để sám hối. Trong trường hợp này, Pháp sư Thái nói: “Do tâm không có nhiễm, nên không cần tự trách”. Pháp sư Tăng Huyền nói: “Bậc Thánh phần nhiều vì hổ thẹn, nên đối với người khác để sám hối. Do mình, người: nghĩa là người phạm phụ có tội nhiễm, không nhiễm, như phạm “Tăng tàn” v.v..., thì “xuất tội” trong hai mươi vị tăng, gọi là do người khác. Nếu vì tâm không nhiễm, mà phạm tiểu tội, thì tự trách tâm mình để trừ

Vì chuyển y, nghĩa là chuyển xỏ y chỉ Bí-sô, để y chỉ Ni v.v... Chuyển căn của hai chúng đều “xuất tội” không chung.

Nói “Hoặc chuyển hình khác v.v... Tam tạng Pháp sư nói: Sa di, Sa-di-ni v.v... người khác chuyển hình”. Pháp sư Thái nói: “Hai căn sinh, gọi là chuyển hình khác. Hai căn đều mất, gọi là chuyển không có hình. Vì nương tựa xả nghĩa là người qua đời rồi. Ở đây đồng với luận Tiểu thừa ở chỗ qua đời, rồi lại sinh. Hạt giống của nghiệp ác không tăng trưởng, nên gọi là “xuất tội”.

Thứ hai là giải thích chế tội, Luận sư Cảnh nói: “1- Đạo lý thanh tịnh, chư Phật chế giới có lý do sâu sắc. 2- Quả thanh tịnh, nghĩa là nương tựa giới để tu hành, được quả Sa-môn. 3- Nhiếp thọ thanh tịnh, nghĩa là nhiếp thọ người tu hành. 4- Thanh tịnh bên ngoài, nghĩa là không vờ lấy sự, chê bai. 5- Thanh tịnh bên trong: nghĩa là điều phục các căn. 6- Cụ phần thanh tịnh, nghĩa là tánh giới, giá giới đều đầy đủ. Bốn thứ sau rất dễ hiểu.

“Lại có sai khác trở xuống lại có mười thứ thanh tịnh, như văn. Pháp sư Thái nói: “ Vì có nhân duyên, nên Đức Như lai mới chế lập Học xứ (lĩnh vực học) cho nên có nhân chính là đạo lý thanh tịnh đầu tiên.

Xa lìa phần lỗi lầm khi thọ quả của năm dục, vì biên dục lạc, nên là quả thanh tịnh. Vì lìa bên khổ hành, nên nhiếp thọ thanh tịnh. Đủ hạnh vượt hơn của nghiệp thân, miệng, vì lìa ác ở trong sự ngoài, nên gọi là thanh tịnh bên ngoài. Vì lìa bỏ tà mạng, nên tịnh mạng bên trong. Vì đồng cư trú chung với đạo pháp nội, nên đủ chia lìa. Tất cả lời nói xấu ác vì không có trái với sự tranh cãi, nên yêu thích thanh tịnh. Vì hàng phục triển phiên não, nên hàng phục đối trị tu tịnh. Vì lìa hẳn trời buộc, nên tùy miên dứt tịnh. Vì trụ trì chánh pháp, sao cho chánh pháp nối tiếp nhau không dứt tịnh.

Thứ ba, giải thích về tướng công đức, và lỗi lầm trong Thi-la. Trái lại, đều có mười thứ, nghĩa là chúng Tăng hòa hợp. Vì xoay vần bảo nhau, nên lìa bỏ chê bai sở học. Vì Vô gián tu, nên lìa giới không lạc, tịnh. Vì không có oán đối xâu ác, nên lìa bạn trái nhau. Chí mong cầu Bồ-đề, phần đạo không có hao hụt, nên lìa nguyện vọng kỳ hạn. Ba cõi bền chắc vì tinh tấn vững chắc, phòng hộ Thi-la nên lìa buông lung. Vì xuất ly tâm nhiệm, nên lìa tăng thượng mạn. Vì khả năng chế ngự đối tượng trị, nên lìa tùy miên bất tịnh. Vì không bao giờ lui sụt, nên lìa ý lạc thấp kém; vì không chung với ngoại đạo, nên xuất ly ba cõi. Vì trên hết trong các luật, nên tà cấm không thể sánh bằng.

Thứ tư, trong giải thích không buông lung trước hết, là nêu chung mười thời kỳ, gạn hỏi, kiệt kê. Sau, giải thích riêng theo thứ lớp: năm chi không buông lung, chỉ ra như bản địa của Thanh văn.

Nói Hắc, nói đại: “Lầm nói ta từ chư thiên, đệ tử bậc Thánh và bên cạnh Đại đức, v.v.... Để nghe pháp nên gọi là nói “hắc”. Nếu thật sự từ bên cạnh đệ tử bậc Thánh v.v... để nghe pháp mà nói, nghĩa là vì Thanh tịnh, nên gọi là nói “Bạch”; vì nói “Bạch” nên gọi là nói “Đại”.

Thứ năm, trong giải thích về chướng, nói:

“Nếu sở đắc thích hợp nhau”, nghĩa là người khác đã ruồng bỏ, nên chấp lấy, nuôi nấng con người. Nếu có người luận đáp, thì bị cấm biện luận”, vì chưa hiểu rõ.

Thứ sáu, trong giải thích về học. Nói là đối với Học xứ mà vì chế lập, nghĩa là lập ở nhóm đầu tiên trong năm nhóm trái phạm: là nặng, nghĩa là dù đồng là Ba-Dật-Đề-Ca xưa nói: “Ba-dật-Đề, cũng gọi là Ba-Dạ-Đề, Hán dịch là “đọa”. Dù đồng với “tội giá”, nhưng vì cố cắt đứt sinh mạng, nên thuộc về tánh tội, vì do sự.’

Thứ bảy, trong giải thích về quán sát, đã phạm hoàn toàn tạp nhiễm, nghĩa là các tánh tội: Đây là giải thích câu đầu, cần phải hoàn toàn dạy bảo sao cho không phạm cho đến: khiến cho sớm ăn năn chừa

bỏ”. Đây là giải thích hoàn toàn không hiện hành” của câu thứ hai, lẽ ra là người phạm tánh tội trong chín mươi, khiến sớm sám hối diệt trừ, sao cho không còn hiện hành nữa”.

Lại, “Phật Thế tôn cho đến câu “Chế lập Học xứ về già tội: đây là giải thích câu thứ ba, nhân có người trái phạm, nên chế lập Học xứ.

“Nếu có người khác cho đến “Nên vì họ chỉ bày rõ đối trị: đây là giải thích thứ tư, biểu hiện lỗi lầm của người kia, vì sinh, không sinh. Nếu ở phương tiện khác, thời gian khác, người khác, đồng phạm tội này, gọi là “sinh”. Bày tỏ học xứ của già tội, mà Phật đã chế ở trước, để đối trị gọi là “bất sinh”.

“Nếu có người không phạm cho đến “cũng không nên chỉ rõ pháp đối trị: đây là giải thích câu thứ năm: “chẳng phải hoàn toàn hiện hành”.

Thứ tám trong giải thích y chỉ. Luận sư Trung Cảnh nói: “Ba trước trong bảy xứ là người năng truyền dạy. Bốn xứ sau là “duyên” tu hành”.

Một pháp đầu trong sáu xứ: là giới kinh mà Đức Phật đại sư đã nói, nương tựa vào đó để tu học.

2. Người học đã tu ba tuệ.

3. Dạy bảo, truyền trao, khuyên răn, tức thân giáo gương mẫu trong bảy thứ trước, trao cho việc tốt lành, khiến tu, răn điều ác, sao cho tu dứt trừ.

4. Đẳng trí tức chín định thứ lợi.

5. Cúng dường, tức cúng dường tài pháp. Cúng dường tài vật là do một thứ pháp lạc đáng yêu. Cúng dường pháp, là do pháp khác: Xét theo địa Thanh văn. Pháp sư Thái rằng: “Cúng dường pháp, nghĩa là do pháp khác, như trong phẩm khác đã nói: “Rất nhiều cúng dường, một thứ trong đó là cúng dường tài. Sự khác là cúng dường pháp.

6. Căn trong thiện xảo, thuộc về thiện xảo vì pháp rất hẹp, nên không nói.”

Pháp sư Tăng Huyền nói: “Y chỉ đại sư, nghĩa là Như lai. Thân Giáo Sư là hòa thượng. Người gương mẫu là giới sư. Kinh Biệt Giải Thoát, nghĩa là giới và phân biệt rộng, nghĩa là luật Bản.”

Thứ chín, trong giải thích về Nhiếp thọ, nói là thuộc về người đã thọ, không thể hồi chuyển về tạo ra tướng thuộc về mình, biết là nhiếp thọ. Chịu thọ, người thọ, có thể hồi chuyển trì, hoặc dùng tay, hay dùng bát v.v... nhận lấy”.

Gửi gắm người thọ, nghĩa là thọ thí tịnh.

Xả thí thọ, nghĩa là thọ vật bố thí của người. Hoặc nói người thọ pháp cúng dường, thực hành thí pháp, gọi là xả thí, cũng có thể tự thọ được phước của thí cho, gọi là thọ xả thí.

Vì người khác thọ, vì người khác xin thức ăn, vì phi xứ thọ, nghĩa là đối với Phật, tháp và nơi hành đạo, chịu thọ thức uống ăn.

Phần lỗi của người thọ phi pháp, quá phần và không đúng pháp, gọi là chỗ phi lượng, phi pháp.

Không quán sát người mà gửi gắm, nghĩa là nhận gửi gắm, không quán sát người đối diện là giặc, chẳng phải giặc v.v... Đối với vật bất tịnh, tâm trói buộc, chấp mắc, như hoặc rượu, thịt v.v... trói buộc tâm nhiễm:

1. Đối với ruộng xấu mà xả thí.

2. Chẳng phải không có hy vọng mà xả thí, đây là y cứ ở người năng xả thí. Hai duyên bất tịnh xả, và thọ thí. Hoặc nói là người khác không có vật ít, không có tưởng hy vọng mà thí cho, nên có hai bất tịnh:

1/ Chẳng phải giao qua đê. Lại, không cáo bạch và tánh không nhận biết, nghĩa là nếu vì người khác, nhận người kia ngũ lại đê. Lại, người kia không cáo bạch nhau, và không nhận biết người kia.”

2/ Vì tâm có nhiễm, nghĩa là vì người khác mà thọ trì, sinh ra tâm tự nhiễm.”

Thứ mười, trong giải thích thọ dụng nói: “Như Đức Thế Tôn nói: Đồ đựng tiện lợi v.v... không nên thọ dụng”. Bồ Khuyết rằng: “Hỏi: “Nếu vậy, thì cái gì là Trần khí được?”

Giải thích: “hoặc là người bệnh không thể uống thuốc. Hoặc là bệnh không có tất cả thuốc tàn dư. Hoặc thuốc của người khác phần nhiều là sữa, cặn bả tàn dư, gọi là Trần khí được (thuốc trần khí), chứ chẳng phải phân, nước tiểu này là thuốc trần khí.

Nay, giải thích: “Đồ đựng bị tiện lợi là nhiễm, gọi là không tùy ý dùng, chứ chẳng phải nói là thể của Đại, Tiểu tiện là thuốc trần khí, là không nhậm dụng.”

Nói “Chẳng phải nhiếp thuộc, nghĩa là hoặc là vật v.v... của-tăng-kỳ”, nghĩa là của vật của đại chúng, gọi là vật tăng-kỳ. Dù là số chúng, nhưng nếu chúng kia được lành mạnh, thì được pháp thực. Như thí cho không nhằm chán vì tạo dựng căn bản cho chúng kia với người Đàng Việt, miệng thường chiêu tập bốn mươi vật cúng với những thứ ăn uống trọng, hậu ngon ngọt.

Nướng tựa Tăng, khát thực theo thứ lớp. (Nếu bốn mươi người thú

hương, nếu không bị sai khác thì gọi là phi nhiếp thuộc. Giả sử về sau, bị sai khác, không dùng bát để thọ, thì gọi là không rơi vào bát. Trước hết phải trái lá sen sạch, thức ăn rơi rải rác trên lá, hoặc trên chén nhỏ. Dù không ở bát, như thuộc về bát, nếu không thuộc về bát, thì sẽ lấy từ xa phần ăn của người khác. Như thế, đều gọi là vật chẳng phải nhiếp thuộc.”

Trên đây là nói về vật thuộc về chúng.

Kế là đây là nói về vật hệ thuộc người khác:

Người khác không cho, tạm cho, cũng không rót ráo xả, cũng không hao hụt là bạc hà. Lại, bản thân mình đến phi xứ người khác, gửi gắm niềm tin lại lấy dùng. Hoặc dù người khác cho quá lượng mà vẫn thọ dụng.

Nói “Thọ được tịnh”, nghĩa là thức uống, ăn v.v... là tổn hoại tịnh, nghĩa là trái cây sống v.v...

Gởi gắm tịnh, nghĩa là xin thí chủ v.v... Thời Pháp Tịnh:

Thuốc bảy ngày v.v...

Xả Phân biệt tịnh: không nghĩ v.v... có vi trùng trong nước mà uống v.v....
